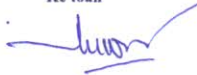


Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 22 tháng 05 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				230,894
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	256	9,472,000
	Được chi trong ngày				9,702,894
	Đã chi trong ngày				9,626,715
	1. Dịch vụ				256,000
1	Gas sáng		0	256	0
2	Gas trưa		1,000	256	256,000
	2. Kho				235,000
	Ăn chính				235,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg	235,000	1	235,000
	3. Đi chợ				9,135,715
	Ăn chính				9,135,715
1	Bánh canh	Kg	34,020	9	306,180
2	Cà chua	Kg	57,750	2	115,500
3	Dưa chuột (dưa leo)	Kg	29,400	1	29,400
4	Đậu cove	Kg	47,250	1	47,250
5	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
6	Hành tây	Kg	36,750	1	36,750
7	Hạt sen tươi	Kg	472,500	1.5	708,750
8	Rau xà lách	Kg	68,250	1	68,250
9	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
10	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
11	Nấm rơm	Kg	189,000	2	378,000
12	Dưa hấu	Kg	50,400	13	655,200
13	Dầu mè	Chai	78,840	1	78,840
14	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	199,500	4	798,000
15	Trứng gà	Trứng	4,620	40	184,800
16	Đường kính	Kg	38,850	3	116,550
17	Bột bắp	Gói	15,120	8	120,960
18	Tôm sú	Kg	378,000	9.7	3,666,600
19	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
20	Đường phen	Kg	44,100	2.5	110,250
21	Bột chiên xù	Gói	19,440	12	233,280
22	Lá hán quả	Trái	10,800	10	108,000
23	Lá mát	Bó	26,250	10	262,500
24	Bột chiên giòn	Gói	66,960	1	66,960
25	Cải ngọt	Kg	36,750	1.5	55,125
26	Dầu ăn Tường An 1L	Lit	66,960	4	267,840
27	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
28	Mía	Kg	31,500	2	63,000
29	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
30	Nấm hương	Kg	472,500	0.1	47,250
31	Cà rốt	Kg	36,750	2	73,500
32	Thịt gà	Kg	110,250	2	220,500
33	Bắp cải tím	Kg	47,250	1.5	70,875
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				6,476,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				123,888,821
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			3,627	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				134,199,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				134,122,821
	Chênh lệch cuối ngày				76,179

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy